**Tiếng việt**

**BÀI 35: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nắm vững cách đọc các vần on,ơn, ôn, an, ăn, ân, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on,ơn, ôn, an, ăn, ân, en, ên, un, in, am, ăm, âm hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học, lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong sách giáo khoa.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện: Gà nâu và vịt xám. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kỹ năng: đánh giá sự việc có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn,

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu nước, nhân ái: chăm chỉ, siêng năng làm việc. Yêu thích môn học

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự lớp học nghiêm túc. Có ý thức tự thực hành, biết giúp bạn thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**\*HTQC: 1 KĐ, 5 Kể chuyện**

**II.** **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, ti vi, bảng phụ.

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động: ( 5’ ) HTQC**  - HS viết on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ: ( 15’ )**  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm đầu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm, đọc  **3. Đọc câu: ( 10’ )**  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +Khi nhìn thấy rùa, thỏ đã nói gì?  +Thái độ của rùa ra sao khi bị thỏ chê?  +Câu nào cho thấy rùa có gắng để thi cùng thỏ?  + Kết quả cuộc thi thế nào?  +Em học được điều gì từ nhân vật rùa? (Bài học: không chủ quan, không coi thường người khác.)  -GV và HS thống nhất câu trả lời.  **4. Viết: ( 5’ )**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | -Hs viết  -Hs ghép và đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  -H  s lắng nghe  -Một số (4- 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe  -HS viết  -Hs lắng nghe | |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện: ( 32’ )**  **a. Văn bản**  **GÀ NÂU VÀ VỊT XÁM**  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến vượt sông cạn để kiếm ăn. GV hỏi HS:  1. Đôi bạn thân trong câu chuyện là những ai?  2. Hằng ngày, đôi bạn gà nấu và vịt xám làm gi?  Đoạn 2: Từ Một năm đến có minh rồi mà, GV hỏi HS:  3. Chuyện gi xảy ra khiến gà nâu không thể sang sông  4. Ai đã an ủi gà nâu lúc khó khăn  Đoạn 3: Từ Thế là đến yên ổn trở lại, GV hỏi HS:  5. Vịt đã giúp gà bằng cách nào?  6. Vì sao gà nhờ vịt cõng qua sông để tự kiếm ăn?  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  7. Thương vịt vất vả, gà giúp bạn việc gì?  8. Vì sao vịt không còn nhớ đến việc ấp trứng?  - HS nhìn theo tranh để kể lại từng đoạn của câu chuyện. GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **c. HS kể chuyện: ( HTQC )**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế.  **6. Vận dụng: ( 3’ )**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện.. | -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -HS kể  -HS lắng nghe |